

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thí nghiệm điện tử công suất (228049) - Nhóm 01**

CBGD: **Đặng Văn Tín (280038)**

Số SV có mặt: 16.....

Số bài thi: 16.....

Số tờ giấy thi: 16.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Tus</i> <i>Đặng Văn Tín</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Tus</i> <i>Đặng Văn Tín</i>	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060069	PHẠM QUANG BÌNH	06/12/2002	CCQ2006B						5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060002	NGUYỄN THÀNH CHUNG	01/07/2002	CCQ2006A						6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120170076	HUỖNH DUY ĐỨC	10/08/2002	CCQ2006B						6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060064	NGUYỄN NHẬT HÀO	11/05/2002	CCQ2006A						6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120060013	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	15/11/1999	CCQ2006A						7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060044	LÊ SỸ LƯƠNG	04/01/2002	CCQ2006B						7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060057	LẠI KIM ANH MINH	28/04/2002	CCQ2006B						7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060045	TRƯƠNG VÕ HOÀNG PHÚC	24/08/2002	CCQ2006B						6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060061	HỖ PHÚ QUYỀN	25/07/2002	CCQ2006B						7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060049	VÕ VĂN SỸ	16/09/2002	CCQ2006B						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120060019	NGUYỄN ĐỨC TÂM	29/03/2002	CCQ2006A						5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060021	LÊ VĂN TẤN	10/07/1996	CCQ2006A						7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120060053	PHẠM HẠ VÂN THÙY	17/05/2001	CCQ2006B						6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060030	VÕ MINH TRÍ	15/09/2002	CCQ2006A						5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2117060092	LÊ QUỐC VŨ	29/07/1999	CCQ1706B						7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120060034	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	12/04/2002	CCQ2006A						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thí nghiệm điện tử công suất (228049) - Nhóm 03**

CBGD: **Đặng Văn Tín (280038)**

Số SV có mặt: 18.....

Số bài thi: 18.....

Số tờ giấy thi: 18.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Văn Tín</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Trần Văn Tín</i>	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2116050071	BÙI MINH AN	28/10/1998	CCQ1605B			<i>Minh An</i>			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060056	NGUYỄN TRỌNG ÂN	20/12/2002	CCQ2006B			<i>Trọng Ân</i>			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2117060094	NGUYỄN VĂN CHÍ	20/02/1999	CCQ1706B			<i>Chi</i>			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060038	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	26/02/2002	CCQ2006B			<i>Đạt</i>			5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2118060008	THẬP VĂN HÀ	15/07/1998	CCQ1806A			<i>Hà</i>			6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2117060063	NGUYỄN VĂN HUÂN	14/10/1999	CCQ1706B			<i>Huân</i>			5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2118060013	VÕ NGỌC HÙNG	14/08/2000	CCQ1806A			<i>Hùng</i>			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060012	LÊ QUANG KHANG	10/07/2002	CCQ2006A			<i>Khang</i>			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A						7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2118060025	NGUYỄN THỊ YẾN	27/01/2000	CCQ1806A			<i>Yến</i>			6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2116050161	QUÁCH VĂN PHẠM	10/04/1998	CCQ1605C			<i>Phạm</i>			5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2118060068	NGUYỄN HỒNG QUÂN	09/06/1996	CCQ1806B			<i>Quân</i>			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120060046	NGUYỄN HẢI QUỲNH	25/02/2002	CCQ2006B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2118060030	TRẦN DUY TÂN	18/12/2000	CCQ1806A			<i>Tân</i>			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2118060033	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	18/06/2000	CCQ1806A			<i>Thắng</i>			5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120060027	NGUYỄN QUỐC TOÀN	25/01/2002	CCQ2006A			<i>Toàn</i>			6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2118060038	ĐỖ NGUYỄN THÙY TRANG	26/07/2000	CCQ1806A			<i>Trang</i>			6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2118060081	PHẠM NGỌC TRUNG	27/05/2000	CCQ1806B			<i>Trung</i>			6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2118060042	NGUYỄN QUỐC VINH	10/01/2000	CCQ1806A			<i>Vinh</i>			6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9